TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: ...../2021/HNGÑ -ST
Ngày 26/4/2021.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn P;
2/. Ông Phan Văn C.

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Văn A – Thư ký Tòa án nhân dân Hện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà: Bà Lý Thị N - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp yêu cầu ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa:

1/. Nguyên đơn: Chị Lê Hồng D, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp Bình Tốt, xã Vĩnh Phú Tây, Hện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Anh L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp Bình Tốt, xã Vĩnh Phú Tây, Hện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị D có đơn xin vắng mặt, anh L vắng mặt lần 2 tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai chị Lê Hồng D trình bày: Chị với anh L làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2002, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú Tây, Hện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh L có 02 người con chung tên L N H, sinh ngày 16/3/2003 và A, sinh ngày 18/02/2006, hiện đang sống với anh L ; Về tài sản chung, chị với anh L tự thỏa thuận; Về nợ chung không nợ ai hoặc ai nợ chị và anh. Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh

L; về con chung đồng ý để anh L tiếp tục nuôi 02 người con, xin không phải cấp dưỡng tiền nuôi con, vì vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung; về tài sản chung, chị và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh L vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân Hện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tham gia phiên tòa là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Hồng D, cho chị D được ly hôn với anh L.

+ Về con chung: Chị D và anh L có 02 người con tên L N H, sinh ngày 16/3/2003 và A, sinh ngày 18/02/2006, hiện đang sống với anh L . Khi ly hôn chị đồng ý để anh L tiếp tục nuôi con, chị xin không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con. Do anh L vắng mặt nên cũng không có ý kiến hay yêu cầu về vấn đề nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị D phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Lê Hồng D kiện anh L về việc Hôn nhân gia đình tại Tòa án nhân dân Hện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và Tòa án nhân dân Hện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị D có đơn xin vắng mặt tại phiên xét xử, anh L đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân Hện Phước Long nhưng nhiều lần vắng mặt không có lý do nên nên việc xét xử vắng mặt chị D, anh L là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Lê Hồng D xác định, chị với anh L làm đám cưới năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại Trích lục kết hôn ngày 08/9/2020, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú Tây, Hện Phước Long thể hiện chị D và anh L đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2004. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nay chị D yêu

cầu ly hôn với anh L . Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn về hôn nhân của chị D và anh L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 20/01/2021 chị D xác định, chị và anh L không còn sống chung từ năm 2014 đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Hồng D, cho chị D được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Theo lời khai của chị D và Giấy khai sinh do chị D cung cấp, chị và anh L có có 02 người con tên L N H, sinh ngày 16/3/2003 và A, sinh ngày 18/02/2006, các con đang sống với anh L . Khi ly hôn, chị đồng ý cho anh L tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và xin không phải cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh L vắng mặt nên cũng không có ý kiến hay yêu cầu về vấn đề nuôi con. Xét thấy, các cháu H và A đang được anh L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ năm 2014 đến nay, chị D không có yêu cầu nuôi con nên không Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: theo lời khai của chị D thì về tài sản chung, chị và anh Linh tự thỏa thuận; về nợ chung không có nợ ai hoặc ai nợ chị, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Hồng D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39, khoản 5 Điều 177, Điều 179 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 *của Bộ luật tố tụng dân sự;*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Hồng D, cho chị Lê Hồng D được ly hôn với anh L.

2/. Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Lê Hồng D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009709 ngày 23 tháng 11 năm 2020 được cHển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện Phước Long. Anh Lê D L không phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nôi nhan:
- TAND tænh Bac Lieu
- VKSND Hen Phöôc Long
- Ñöông sö
- Ngöôi tham gia toi tung khac
- Löu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn